

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 474/2024/DS-PT  
Ngày 09-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLPT-DS ngày 17/4/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1525/2024/QĐ-PT ngày 02/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Đặng Tô U, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số A, H, Khu phố C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn L1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số A, H, Khu phố C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đỗ Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L và trong quá trình tố tụng,

*người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 27/7/2022, bà Đỗ Thị L có cho bà Đào Đặng Tố U vay 2.987.000.000 đồng. Đến ngày 08/9/2022, bà L tiếp tục cho bà U vay 2.200.000.000 đồng, tổng cộng 02 vay số tiền là 5.187.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền, vay không lãi, thời hạn thanh toán lần lượt là 28/7/2022 và ngày 09/9/2022, mục đích vay để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh đồ dùng trang trí nội thất. Khi đến hạn thanh toán, bà L nhiều lần yêu cầu bà U trả số tiền nêu trên nhưng bà U không thực hiện.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U phải có nghĩa vụ trả cho bà L, cụ thể:

Trả 2.987.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 29/7/2022 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 06/3/2024, tổng cộng 19 tháng 06 ngày với số tiền lãi 477.919.999 đồng.

Trả 2.200.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 10/9/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 06/3/2024, tổng cộng 17 tháng 25 ngày với số tiền lãi 326.944.443 đồng.

Khi bà U vay tiền của bà L thì ông L1 cũng biết và bà U vay tiền nhằm mục đích phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh trang trí nội thất của vợ chồng bà U, ông L1. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Đặng Tố U và ông Trần Văn L1 (chồng bà U) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 5.991.864.442 đồng.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Đào Đặng Tố U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L.

Buộc bà Đào Đặng Tố U phải hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay gồm 5.187.000.000 đồng vốn gốc và 804.864.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.991.864.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn L1 phải liên đới với bà Đào Đặng Tố U hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay tổng cộng là 5.991.864.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/3/2024, nguyên đơn bà Đỗ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, nội

dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đào Đặng Tố U trả cho bà tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 5.991.864.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông H trình bày: Căn cứ các giấy biên nhận vay tiền thì mục đích vay là để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, đồng thời các khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của ông L1 và bà U nên ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả nợ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mục đích vay vốn là để phát triển kinh tế gia đình và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả nợ, kháng cáo của bà Đỗ Thị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị L, sửa Bản án sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, buộc ông L1 và bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 5.991.864.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Đỗ Thị L; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đào Đặng Tố U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà U, ông L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ có nguyên đơn kháng cáo về nghĩa vụ liên đới của ông L1, do đó cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Xét kháng cáo của bà L:

Bà L căn cứ các giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 27/7/2022 và ngày 08/9/2022 cho rằng mặc dù khi ký tên vay tiền thì chỉ có bà U ký nhưng mục đích vay là để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chung, phát triển kinh tế gia đình. Hiện nay, bà U và ông L1 là vợ chồng hợp pháp, cùng kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng và trang trí nội thất nên cấp sơ thẩm không buộc ông L1 có nghĩa vụ

liên đới cùng bà U trả nợ là không phù hợp.

Căn cứ Trích lục kết hôn ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B thì ông L1 và bà U là vợ chồng hợp pháp. Nội dung các biên nhận vay tiền mặt đều thể hiện mục đích vay “*để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh*”. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng, ông L1 đã được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu của bà U về việc buộc ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả nợ nhưng ông L1 không tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, trong trường hợp này được xem là ông L1 không phản bác đối với trình bày của nguyên đơn cho rằng mục đích vay tiền của bà U là để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, bà U, ông L1 không cung cấp chứng cứ chứng minh giữa hai người có thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Như vậy, có cơ sở xác định, bà U vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L1 và bà U nên ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả nợ.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc ông L1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả số tiền nợ là không phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L1 và bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U số tiền 5.991.864.000 đồng.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Do bản án bị sửa nên án phí sơ thẩm được điều chỉnh, buộc ông L1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà U chịu án phí sơ thẩm 113.992.000 đồng.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Đỗ Thị L không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị L;

Sửa Bản án sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L đối với bị đơn

bà Đào Đặng Tô U.

Buộc bà Đào Đặng Tô U và ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay gốc 5.187.000.000đ (Năm tỷ một trăm tám mươi bảy triệu đồng) và 804.864.000đ (T trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng là 5.991.864.000đ (Năm tỷ chín trăm chín mươi một triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Đào Đặng Tô U và ông Trần Văn L1 phải liên đới chịu 113.992.000đ (Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.770.000đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007287 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004300 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tông**